

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 25 – 8 – 2025

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

-Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H - Sinh năm 1984 (Xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Q - Sinh năm 1984 (Xin vắng mặt).

Cùng trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại biên bản hòa giải ngày 14.8.2025 bà Phạm Thị H (Nguyên đơn) và ông Nguyễn Hoàng Q (Bị đơn) thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông Q sống chung như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Hiện nay ông và ông Q đã sống ly thân. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Q, ông Q đồng ý ly hôn với bà H.

- *Về con chung:* Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q có 02 người con chung tên Nguyễn Thảo N, sinh năm 2004 và Nguyễn Nhật D, sinh năm 2006. Hiện nay hai con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được, bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà Phạm Thị H xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q xác định trong thời gian chung sống ông và bà không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Q theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:* Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q kết hôn vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của bà H và ông Q không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì không công nhận bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q có 02 người con chung tên là Nguyễn Thảo N, sinh năm 2004 và Nguyễn Nhật D, sinh năm 2006, hiện nay đã trưởng thành, có thể chất phát triển bình thường, tự lao động nuôi sống bản thân, bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q xác định trong thời gian chung sống ông và bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28; 35; 39; 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q là vợ chồng.

Án phí hôn nhân và gia đình: Buộc bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng. Bà H có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011828 ngày 14 – 7 – 2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cà Mau, sau khi đối trừ bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Hoàng Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hoàng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kiệt